

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày 22/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Thẩm phán: Ông Hà Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chính, ông Nguyễn Văn Huyền và bà La Thị Huệ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Dư - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 11/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 08/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Dương Minh C (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/11/2001 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn M và bà Triệu Thị H; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Văn M (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/7/1999 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn NI, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị T; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

3. Hoàng Mạc S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 24/7/1999 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Mạc G (Đã chết)

và bà Hà Thị L; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

4. Nguyễn Đình H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/12/1999 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến H và bà Vũ Thị H; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo D Minh C và Nguyễn Văn M:* Bà Trần Thị Kim Lân, Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Mạc S và Nguyễn Đình H:* Bà Nguyễn Thị Hà, Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Hà Thị N, sinh năm 2001 (Đã chết). Trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện hợp pháp cho bị hại N là ông Hà Văn H (Bố đẻ của N), sinh năm 1970, trú cùng địa chỉ với bị hại. Có mặt tại phiên tòa;

2. Hà Minh D, sinh năm 2000 (Đã chết). Trú tại: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện hợp pháp cho bị hại D là bà Hoàng Thị N (Mẹ đẻ của D), sinh năm 1981, trú tại: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vũ Thị N, sinh năm 1983, trú tại: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

2. Ma Thị Minh A, sinh năm 2001, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

3. Phạm Thị H, sinh năm 2002, trú tại: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

4. Trần Thu X, sinh năm 2002, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

5. Trương Đức H, sinh năm 2001, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

6. Lê Ánh N, sinh năm 2002, trú tại: Thôn K, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

7. Bế Thảo T, sinh năm 2000, trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

8. Cao Văn C, sinh năm 1998, trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

9. Hà Minh H2, sinh năm 1998, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

10. Triệu Xuân V, sinh năm 2000, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

11. Triệu Huyền T, sinh năm 2001, trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

12. Triệu Thị H, sinh năm 1975, trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

13. Hoàng Thị T, sinh năm 1980, trú tại: Thôn NI, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

14. Hà Thị L, sinh năm 1976, trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

15. Vũ Thị H, sinh năm 1980, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 25 phút ngày 17/8/2020, tại quán Karaoke Tuyến Nụ thuộc thôn K, xã T, huyện B, Hà Thị N, sinh năm 2001 và Hà Minh D, sinh năm 2000 cùng trú tại xã T, huyện B chết chưa rõ nguyên nhân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi để xác minh làm rõ.

Ngày 17/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Kạn và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn để xác định nguyên nhân chết của Hà Thị N và Hà Minh D.

Tại bản kết luận giám định số 33/TT ngày 17/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Kạn, kết luận nguyên nhân chết của Hà Thị N như sau: Dấu hiệu chính qua giám định, tràn dịch khoang màng phổi phải, tràn dịch bao màng ngoài tim; Phổi hai bên căng đầy lòng ngực, trên bề mặt hai phổi có nhiều nốt, chấm, đám sung huyết; Tim nhão, trên bề mặt tim có nhiều nốt, chấm, đám sung huyết, xuất huyết; Xét nghiệm vi thể: Phù phổi; Sung huyết/thoái hóa các tạng; Test nước tiểu: Amphetamin, Methaphetamin: D tính; Xét nghiệm ma túy máu: Amphetamin, MDMA: D tính; Xét độc chất: Mẫu phủ tạng và dịch dạ dày của Hà Thị N không phát hiện các chất độc trong mẫu giám định. Không có dấu hiệu của ngoại lực tác động. Nguyên nhân tử vong: Hà Thị N chết do suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục; Nguyên nhân do sốc ma túy không hồi phục.

Tại bản kết luận giám định số: 27/KTHS-GDPY ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Bắc Kạn, kết luận nguyên nhân chết của Hà Minh D như sau: Nạn nhân Hà Minh D, sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bị cơn nhồi máu cơ tim gây phù phổi cấp tính không hồi phục trên người sau khi sử dụng ma túy dẫn đến tử vong. Trong mẫu máu của Hà Minh D có chất ma túy là Amphetamin, MDMA.

Quá trình điều tra xác định: Cách ngày 17/8/2020 khoảng hai tuần, Nguyễn Văn M, sinh năm 1999 trú tại thôn NI, xã V, huyện B đang làm Công nhân tại Bắc Ninh cùng với Nguyễn Đình H, sinh năm 1999 trú tại phố N, thị trấn P nhận được cuộc gọi qua Massage từ Hà Minh D sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã T đến điện thoại của H. Do H không cầm điện thoại theo, nên M đã nghe máy và được D rủ khi nào về Bắc Kạn sẽ đi “Bay”, tức là sử dụng ma túy tổng hợp và D nói với M nếu có ma túy thì mang về. Do M không biết chỗ bán ma túy tổng hợp, nên đã gọi điện cho Dương Minh C, sinh năm 2001, trú tại N, xã V, huyện B, bảo C tìm có chỗ bán ma túy tổng hợp thì mua về cùng sử dụng. Ngày 16/8/2020 M cùng với H đi xe mô tô từ Bắc Ninh về dự đám cưới tại xã T, huyện B. Tối ngày 16/8/2020 M cùng với Hoàng Mạc S, sinh năm 1999 trú tại N, xã V; Hà Minh D, sinh năm 2000 trú tại thôn P, xã T; Triệu Xuân V, sinh năm 2000, trú tại Phố N, thị trấn P, huyện B và một số người ăn ốc uống rượu tại quán ốc MIMI gần cây xăng thị trấn P, huyện B. Khi đang ngồi ăn ốc, thì M nhận được cuộc gọi của C hỏi lấy bao nhiêu viên và giá một viên ma túy tổng hợp là 320.000 đồng, thì M bảo C lấy 14 viên ma túy tổng hợp để chia đủ cho 14 người là bạn thường chơi cùng nhau. Sau đó, M bảo S chuyển khoản cho C số tiền 4.550.000đ (*Bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) để mua ma túy tổng hợp. M đưa cho S số tiền 1.900.000đ (*Một triệu, chín trăm nghìn đồng*), trong đó M góp 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), Nguyễn Đình H góp 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) và Hà Minh D góp 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại 2.650.000đ (*Hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) là của S. Buổi tối ngày 16/8/2020 S hai lần chuyển tiền cho C vào tài khoản số 8500220181420 của Ma Thị Minh A, sinh năm 2001, nơi cư trú phố N, thị trấn P, huyện B đang học tại trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên là bạn gái của C, lúc này C đang ở cùng với A, để C đi mua ma túy. Cụ thể: Lần thứ nhất S nhờ Lương Mạnh C, sinh năm 1999, trú tại thôn C, xã V, huyện B chuyển số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*); lần thứ hai S trực tiếp chuyển số tiền 3.950.000đ (*Ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn*). Tổng số tiền hai lần S chuyển là 4.550.000đ để C mua ma túy về sử dụng. Sau khi có tiền trong tài khoản ATM của A, C hỏi Triệu Huyền T sinh năm 2001, trú tại thôn Đ, xã V, huyện B hiện đang lao động tự do tại thành phố Thái Nguyên và được T giới thiệu cho số điện thoại 0369.036.430. C đã trực tiếp gọi điện và trao đổi mua bán ma túy với người phụ nữ có số điện thoại trên và được người phụ nữ hẹn đến cổng phụ trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên để giao nhận ma túy. Khoảng 00 giờ ngày 17/8/2020, C cầm theo thẻ ATM của A đi rút tiền và đến địa điểm đã hẹn với người phụ nữ để mua ma túy với số lượng 14 (Mười bốn) viên ma túy tổng hợp, giá mỗi viên ma túy là 320.000 đồng, tổng số tiền C đưa

cho người phụ nữ là 4.480.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, C quay về phòng trọ của A ngủ và đến khoảng 09 giờ ngày 17/8/2020, C đi xe ô tô khách từ thành phố Thái Nguyên về thị trấn Phủ Thông để dự đám cưới của Hà Minh H.

Khoảng 11 giờ, ngày 17/8/2020 Dương Minh C đến dự đám cưới Hà Minh H, sinh năm 1998 trú tại Phố N, thị trấn P, huyện B. Sau khi ăn cưới xong, đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày C gặp Nguyễn Văn M sinh năm 1999, Hoàng Mạc S sinh năm 1999, Cao Văn C sinh năm 1998 cùng trú tại xã V; Hà Minh D sinh năm 2000, Hà Thị N sinh năm 2001, Bế Thảo T sinh năm 2000 cùng trú tại xã T; Hà Minh H2 sinh năm 1998, Nguyễn Đình H sinh năm 1999, Triệu Xuân V sinh năm 2000, Trương Đức H sinh năm 2001, Trần Thu X sinh năm 2002, Lê Ánh N sinh năm 2002 cùng trú tại thị trấn P, huyện B và Phạm Thị H sinh năm 2002 trú tại B, xã M, huyện B rủ nhau cùng đến quán Karaoke Tuyển Nụ thuộc thôn K, xã T để hát. Tại phòng hát, C lấy từ túi quần phía trước bên trái ra 14 (Mười bốn) viên ma túy tổng hợp và tự cầm lấy một viên để sử dụng và đưa cho Hà Minh H một viên. Số còn lại, C để ở trên bàn để mọi người tự lấy và sử dụng bằng hình thức uống cùng với nước. Sau khi tất cả những người có mặt tại phòng hát đã sử dụng hết số ma túy tổng hợp trên và hát đến khoảng 16 giờ cùng ngày, thì N có biểu hiện khó thở, co giật không tỉnh, nên được đưa đi trung tâm y tế huyện B cấp cứu. Sau khi N được đưa đi cấp cứu thì D cũng có biểu hiện như N, nên cũng được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm Y tế huyện B. Đến 17 giờ cùng ngày N tử vong, còn D được chuyển đến Bệnh Viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn cấp cứu, đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày thì tử vong do sử dụng ma túy.

Quá trình điều tra D M C, Nguyễn Văn M, Hoàng Mạc S và Nguyễn Đình H đều khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình các bị cáo đã bồi thường cho hai gia đình bị hại, mỗi gia đình 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKSBK ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Dương Minh C, Nguyễn Văn M, Hoàng Mạc S và Nguyễn Đình H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điều luật có nội dung:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:

...

b) Làm chết 02 hai người trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 triệu đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đồng thời đề nghị hướng xử lý: Xử phạt Dương Minh C từ 16 đến 17 năm tù; xử phạt Nguyễn Văn M, Hoàng Mạc S và Nguyễn Đình H từ 15 đến 16 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng: Tịch thu 04 điện thoại của các bị cáo để hóa giá sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất, để sớm có cơ hội làm lại cuộc đời. Vì các bị cáo tuổi còn rất trẻ, nhất thời nông nổi, đưa đời dẫn đến hành vi phạm tội.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí đối với nội dung truy tố và luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định:

Trước ngày 17/8/2020, Hà Minh D có gọi vào số điện thoại của Nguyễn Đình H thì Nguyễn Văn M nghe máy, D rủ M khi nào về Bắc Kạn thì sẽ đi "Bay", tức là cùng nhau sử dụng ma túy tổng hợp. Sau đó, M gọi điện cho Dương Minh C, bảo C tìm mua ma túy về để cùng sử dụng.

Ngày 16/8/2020 khi Nguyễn Văn M cùng Hoàng Mạc S, Hà M D đang ở

thị trấn Phủ Thông, thì Dương Minh C gọi điện thoại cho M báo giá ma túy là 320.000 đồng một viên. M nhất trí và bảo C mua 14 viên ma túy. Sau đó, M bảo S chuyển khoản cho C số tiền 4.550.000 đồng để mua ma túy, trong đó M góp 1.000.000 đồng, H góp 400.000 đồng, D góp 500.000 đồng, còn lại 2.650.000 đồng là S góp. Trong ngày 16/8/2020, S hai lần thực hiện chuyển toàn bộ số tiền trên qua tài khoản để C đi mua ma túy. Khoảng 00 giờ ngày 17/8/2020, C đi rút tiền và mua 14 viên ma túy với một người phụ nữ không quen biết với tổng số tiền 4.480.000 đồng.

Khoảng 11 giờ, ngày 17/8/2020, Dương Minh C đến dự đám cưới của Hà Minh H2 tại Phô N, thị trấn P, huyện B. Sau khi ăn cưới xong, C gặp Nguyễn Văn M, Hoàng Mạc S, Hà Minh D, Hà Thị N cùng chín người khác và đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, rủ nhau đến quán Karaoke Tuyền Nụ thuộc K, xã T để hát. Tại phòng hát, C lấy 14 viên ma túy tổng hợp ra, tự cầm lấy một viên để sử dụng, đưa cho Hà Minh H2 một viên. Số còn lại để ở trên bàn, mọi người tự lấy và sử dụng hết 14 viên ma túy bằng hình thức uống cùng với nước. Sau khi sử dụng ma túy, Hà Thị N và Hà Minh D tử vong.

Các kết luận giám định của cơ quan chức năng xác định: Hà Thị N chết do suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục, nguyên nhân do sốc ma túy không hồi phục. Hà Minh D chết do bị cơn nhồi máu cơ tim gây phù phổi cấp tính không hồi phục trên người sau khi sử dụng ma túy.

Với hành vi các bị cáo thực hiện và hậu quả đã xảy ra, thì việc Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tình tiết định khung "Làm chết 02 người trở lên" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tính chất và hậu quả của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi các bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý, sử dụng chất gây nghiện của Nhà nước, là nguyên nhân làm gia tăng số người nghiện ma túy trong cộng đồng, kéo theo các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có đầy đủ nhận thức hiểu rõ ma túy là chất Nhà nước cấm lưu hành, có tác hại rất lớn đối với sức khỏe và đời sống cộng đồng, song các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân và vô tình gây ra cái chết cho người khác. Với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo, cũng như răn đe và cảnh tỉnh giới trẻ cần có lối sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn ma túy.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là

"Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả". Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện hợp pháp của các bị hại đều đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Dương Minh C có ông ngoại Triệu Văn B được tặng thưởng Huân chương; bị cáo Nguyễn Văn M có ông ngoại Nguyễn Văn T, bà ngoại Trần Thị T được tặng Huân Huy chương; bị cáo Nguyễn Đình H có ông ngoại Nguyễn Công P được tặng Huy chương. Hơn nữa, nguyên nhân dẫn tới hậu quả rất nghiêm trọng của vụ án cũng có lỗi của các bị hại, là người đã trực tiếp sử dụng ma túy. Như vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét toàn diện vụ án thấy rằng, hành vi các bị cáo thực hiện không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân C nhiệm vụ cụ thể, do đó chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Dương Minh C là người trực tiếp giao dịch mua ma túy về để cả nhóm sử dụng, nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo M, S, H cùng nhau góp tiền cho C để C đi mua ma túy nên sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn C.

Trong vụ án Hà Minh D là người khởi xướng việc cả nhóm cùng sử dụng ma túy. Tuy nhiên, D đã chết, nên không xem xét xử lý đối với D. Việc khởi xướng của D, đã khởi đầu hành vi tổ chức sử dụng ma túy của các bị cáo trong vụ án, nên D dù được xác định là bị hại, song cũng có một phần lỗi liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như có lỗi đối với hậu quả đã xảy ra. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét để quyết định một mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo tuổi đời còn trẻ, chỉ là nhất thời phạm tội, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ không phải chịu tình tiết tăng nặng. Do đó, xét thấy có đủ căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt mức hình phạt dưới khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo cũng đã là phù hợp và thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật dành cho các đối tượng nông nổi, nhất thời phạm tội, tạo cơ hội cho các bị cáo có thể nhanh chóng cải tạo trở thành người C dân tốt cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chỉ nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu bản thân, không có mục đích thu lợi bấtchính. Hơn nữa, các bị cáo đều không có việc làm ổn định, còn sống chung với bố mẹ, không có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị hại đã nhất trí thỏa thuận về vấn đề bồi thường dân sự. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện hợp pháp của các bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Các điện thoại của các bị cáo, được xác định sử dụng vào việc đi mua ma túy về để sử dụng. Do đó, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

[8] Về nguồn gốc số ma túy các đối tượng sử dụng ngày 17/8/2020: Dương Minh C khai nhận, mua với người phụ nữ không biết tên, tuổi địa chỉ, có số điện thoại 0369.036.430 tại thành phố Thái Nguyên. Quá trình điều tra xác định số điện thoại nêu trên được đăng ký tên chủ thuê bao là Công ty TNHH Phúc Lưu Thủy, địa chỉ: Cụm 5, thôn Sen Chiêu, xã Sen Chiêu, huyện Phúc Thọ, Hà Nội. Xác M tại xã Sen Chiêu và xã Phương Đông của huyện Phúc Thọ được sáp nhập lấy tên xã Sen Phương, không có C ty TNHH Phúc Lưu Thủy. Nên cơ quan chức năng tách hồ sơ để tiếp tục xác M, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Ma Thị Minh A là bạn gái của Dương Minh C, việc C mượn thẻ ATM của A để Hoàng Mạc S chuyển tiền cho C đi mua ma túy. Qua điều tra xác định, việc S chuyển tiền đến và C đem thẻ ATM của A đi rút lấy tiền mua ma túy về sử dụng, C không nói cho A biết. Bản thân A cũng không biết việc C đi mua ma túy về sử dụng. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với Ma Thị Minh A là có căn cứ.

Đối với Triệu Huyền T là người Dương Minh C hỏi và được T giới thiệu cho số điện thoại để C tìm mua ma túy. Qua điều tra xác định, trước đó khoảng vài tháng, T có đi quán Bar tại thành phố Thái Nguyên tình cờ gặp một người phụ nữ tự giới thiệu tên là Oanh và có biệt danh là “Mít”, Oanh có nói với T là có ai hỏi tìm mua ma túy tổng hợp thì giới thiệu cho Oanh, đồng thời Oanh cung cấp số điện thoại cho T. Khi thấy C hỏi tìm mua ma túy tổng hợp để sử dụng T nhớ đến Oanh, nên đã cung cấp số điện thoại Oanh cho C. Việc C tự liên hệ mua ma túy với Oanh như thế nào thì T không biết, T cũng không biết C mua được ma túy với Oanh hay không và cũng không biết C mua ma túy với mục đích làm gì. Bản thân T không được hứa hẹn trả C hay tiền hoa hồng về việc giới thiệu người mua ma túy với Oanh. Đối với Dương Minh C khai nhận, do quen biết Triệu Huyền T từ trước và biết T đang lao động tự do tại thành phố Thái Nguyên, nghĩ T có thể biết người bán ma túy tổng hợp, nên hỏi thử để tìm người bán ma túy. C đã hỏi T và được T cung cấp số điện thoại của một người phụ nữ cho C để C tự liên hệ mua ma túy. Việc C mua ma túy diễn ra như thế nào, C không nói cho T biết, nên T không biết việc mua ma túy trên của C. Với những tài liệu thu thập, các cơ quan tiến hành tố tụng được không có căn cứ xử lý đối với Triệu Huyền T là phù hợp.

Đối với Vũ Thị N là chủ quán Karaoke Tuyền Nụ. Quá trình điều tra xác định N không biết việc các bị cáo lấy ma túy đến và cho nhiều người khác sử dụng. Ngày 09/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2956/QĐ-XPVPHC bằng hình thức phạt tiền đối với Vũ Thị N với số tiền 7.500.000 đồng là đúng quy định.

Đối với Hà Minh D là người gọi điện thoại cho H nhưng M nghe máy, D rủ khi nào về Bắc Kạn đi “Bay” tức là sử dụng ma túy và nói với M có ma túy thì mang về. Tuy vậy, trong ngày 17/8/2020 D sử dụng ma túy và tử vong nên không xem xét về trách nhiệm của D.

Đối với Hà Minh H2, Cao Văn C, Triệu Xuân V, Trương Đức H, Trần Thu X, Lê Ánh N, Bế Thảo T và Phạm Thị H, xác định hành vi sử dụng ma túy không cấu thành tội phạm, đã tách hồ sơ đề Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C an tỉnh Bắc Kạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Minh C, Nguyễn Văn M, Hoàng Mạc S và Nguyễn Đình H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Minh C 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Mạc S 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2020.

2. Vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước các vật chứng gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám bạc, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Dương Minh C được niêm phong trong một phong bì ký hiệu “ĐT-C”;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Hoàng Mạc S được niêm phong trong một phong bì ký hiệu “ĐT-S”;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn M được niêm phong trong một phong bì ký hiệu “ĐT-M”;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, màu xám bạc, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Nguyễn Đình H được niêm phong trong một phong bì ký hiệu “ĐT-H”.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2021 giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Dương Minh C, Nguyễn Văn M, Hoàng Mạc S và Nguyễn Đình H mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử C khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam C an tỉnh;
- Phòng Ma túy C an tỉnh;
- Phòng hồ sơ C an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo (Qua TTG);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương

